

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1276* /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày *03* tháng *10* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cải Chắp, xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Thông báo số 108/TB-STNMT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cải Chắp xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3092/TTr-STNMT ngày 27 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cải Chắp xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Hợp Lợi Cao Bằng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông

Hiển, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng, Chủ tịch UBND huyện Hoà An, Giám đốc Công ty cổ phần Hợp Lợi Cao Bằng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Lê Chung, h. Hoà An;
- UBND phường Sông Hiến, tp. Cao Bằng;
- UBND phường Hoà Chung, tp. Cao Bằng;
- Trung tâm Thông tin (đăng tải);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, CN_(A).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Thảo

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Của Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng
thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cải Chấp, xã Lê Chung, huyện Hoà An và
phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng
(Kèm theo Quyết định số 1276 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cải Chấp xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Hợp Lợi Cao Bằng.
- Địa chỉ trụ sở Công ty: Số nhà 120, tổ 02, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Điện thoại: 0912 594 868.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4800873393 Đăng ký lần đầu ngày 24/4/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/3/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi Dự án: Khu vực mỏ cát, sỏi núi Cải Chấp thuộc địa phận xóm Pác Khuổi, xã Lê Chung, huyện Hòa An và Phường Hòa Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, có các phía tiếp giáp như sau:
 - + Phía Bắc: Đường vào mỏ và đất rừng sản xuất;
 - + Phía Đông: Đường mòn và đất rừng sản xuất;
 - + Phía Tây: Đường đi xã Bạch Đằng và đất rừng sản xuất;
 - + Phía Nam: Đất rừng sản xuất.
- Quy mô Dự án:
 - + Quy mô diện tích: Tổng diện tích thực hiện Dự án là 17,6 ha, trong đó: Diện tích khu vực cấp phép khai thác mỏ là 13 ha (bao gồm: 8,86 ha đã được cấp phép trước và 4,14 ha mở rộng); bãi chứa thải khô khoảng 02 ha; bãi chứa thải ướt (hồ thải) khoảng 2,6 ha (gồm: 1,8 ha diện tích bãi thải ngoài; 0,8 ha nằm

trong phạm vi khu vực diện tích khai thác).

+ Công suất khai thác: Công suất thiết kế 150.000 m³ cát, sỏi nguyên khối/năm tương đương 175.628 m³ cát, sỏi nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ mỏ: 12 năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: Dự án sử dụng công nghệ khai thác bằng máy xúc thủy lực gầu ngược kết hợp với ô tô vận tải trên tầng và xúc chuyển qua sườn núi xuống mặt bằng tiếp nhận, đồng thời sử dụng máy gạt để bóc đất phủ, gồm 02 quy trình khai thác như sau:

+ Quy trình công nghệ khai thác khẩu theo lớp bằng, vận tải qua sườn núi: Khai trường → hỗn hợp cát, cuội, sỏi → máy gạt, máy xúc → sườn núi → bãi xúc chân tuyến → máy gạt, máy xúc → vận tải bằng ô tô → khu vực nghiền sàng.

+ Quy trình công nghệ khai thác khẩu theo lớp bằng, vận tải trực tiếp trên tầng: Khai trường → hỗn hợp cát, cuội, sỏi → máy gạt, máy xúc → vận tải bằng ô tô → khu vực nghiền sàng.

- Công nghệ chế biến: Hỗn hợp cát, cuội, sỏi → bun ke cấp liệu → sàng lưới → sản phẩm.

Quy trình công tác chế biến khoáng sản đang sử dụng là nghiền kết hợp với sàng, rửa cát; khoáng sản nguyên khai (hỗn hợp cát, sỏi + bột sét) được vận chuyển bằng ô tô tự đổ tải trọng 24 tấn đổ vào bun ke cấp liệu và bơm nước từ hồ nước vào bun ke để nghiền sàng cát (nghiên, sàng ướt); hỗn hợp qua sàng 16mm được sản phẩm trên sàng là sỏi trung bình, sản phẩm dưới sàng tiếp tục qua sàng 8 mm và thu được sản phẩm trên sàng là sỏi trung bình, sản phẩm dưới sàng tiếp tục qua sàng 2 mm và thu được sản phẩm trên sàng là sỏi nhỏ, sản phẩm dưới sàng là cát xây; sản phẩm sỏi, cuội được tiếp tục nghiền thành sản phẩm cát. Hỗn hợp nước bùn thải trong quá trình tuyển sau sàng được dẫn vào các công trình xử lý, sau đó được bơm tuần hoàn trở lại hồ chứa phục vụ quá trình sàng tuyển tiếp theo.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.4.1. Hạng mục công trình chính

- Khai trường khai thác: Diện tích khai trường khai thác là 13 ha; kích thước khai trường: Chiều dài trung bình 538 m; chiều rộng trung bình là 241 m; cốt cao bờ mỏ là +350 m; cốt cao đáy mỏ là +220 m.

- Trình tự khai thác: Tiếp tục khai thác tại đỉnh núi phía Đông Bắc khai trường từ mặt bằng tầng +280 m xúc đến mặt bằng tầng +265 m, rồi dịch sang đỉnh núi phía Đông - Đông Nam khai trường; sau đó từ năm thứ 3 sẽ tiến hành

khai thác đều trên các tầng theo lớp bằng khai thác từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong cho đến hết diện tích mỏ.

- Dây chuyền công nghệ chế biến cát, cuội sỏi: Số lượng 02 dây truyền rửa, tổng công suất tuyển rửa là $90 \text{ m}^3/\text{giờ}$, tương ứng mỗi dây truyền $45 \text{ m}^3/\text{giờ}$, trong đó: 01 dây truyền đã có sẵn và 01 dây truyền đầu tư bổ sung. Công nghệ chế biến khoáng sản đang sử dụng là nghiền kết hợp với sàng, rửa cát.

1.4.2. Hạng mục công trình phụ trợ

- Đã xây dựng các hạng mục công trình: Sân thành phẩm + sân công nghiệp, diện tích 6.300 m^2 , kết cấu nền đất, ngoài trời; mặt bằng xưởng nghiền + bãi thành phẩm, diện tích 4.400 m^2 , kết cấu nền đất, ngoài trời; trạm biến áp 400kVA , diện tích 5 m^2 ; kho vật tư, diện tích 30 m^2 , kết cấu khung sắt tường lợp mái tôn, vữa kéo thép hộp và nền láng xi măng; kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 12 m^2 , kết cấu khung sắt tường lợp mái tôn, vữa kéo thép hộp và nền láng xi măng; nhà ở công nhân + nhà bếp + nhà ăn, diện tích 152 m^2 , kết cấu nhà khung sắt, mái lợp tôn, vữa kéo thép hộp, nền láng xi măng; nhà vệ sinh diện tích 4 m^2 , kết cấu nhà khung sắt, mái lợp tôn, vữa kéo thép hộp, nền láng xi măng; nhà bảo vệ, diện tích 6 m^2 , kết cấu nhà khung sắt, mái lợp tôn.

- Công trình đầu tư bổ sung: Mặt bằng xưởng nghiền + bãi thành phẩm diện tích 3.000 m^2 , kết cấu nền đất, ngoài trời.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Dự án đã đi vào hoạt động giai đoạn trước, các công trình cơ bản đã được đầu tư. Do đó, trong phạm vi báo cáo không đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ hoạt động xúc bốc, vận chuyển cát sỏi, vận chuyển đất đá thải và hoạt động của máy móc thi công trên công trường; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân; nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động tuyển rửa cát, sỏi; nước mưa chảy tràn phát sinh khi trời mưa; chất thải rắn sản xuất phát sinh trong quá trình khai thác, bóc thải và tuyển rửa cát, sỏi; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị; tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện, máy móc trong quá trình khai thác; sự cố môi trường trượt lở bãi thải và sự cố vỡ đập hệ thống xử lý nước thải sản xuất...

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xúc bốc, vận chuyển, san gạt; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân; nước mưa chảy tràn phát sinh khi trời

mưa; chất thải rắn phát sinh trong quá trình san gạt mặt bằng, đóng cửa mỏ; tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện, máy móc. Thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường ngắn và khối lượng thi công tương đối nhỏ, mức độ tác động đến môi trường không lớn được thể hiện trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do vậy, dự báo các tác động, biện pháp giảm thiểu không đề cập trong nội dung Quyết định phê duyệt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh giai đoạn vận hành của dự án

3.1. Nước thải, bụi, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ với số lượng 20 công nhân, định mức sử dụng nước trung bình $100 \text{ lít/ngày/người}$, lượng nước thải ra được tính trung bình bằng 100% lượng nước cấp. Thành phần chứa nhiều chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), tạp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua khu vực là $3,04 \text{ m}^3/\text{s}$, lượng chất bẩn tích tụ trong 15 ngày vào khoảng 5.205 kg ; thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất cát, rác,...

- Nước thải sản xuất: Phát sinh khoảng $401,47 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu là bùn sét, bùn cát và các chất rắn lơ lửng, không chứa thành phần nguy hại.

3.2.2. Bụi, khí thải

Bụi phát sinh từ hoạt động khai thác, chế biến là $2,2 \text{ mg/m}^3$; bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển đất đá thải đổ thải tại bãi thải ($\text{Bụi} = 0,658 \text{ mg/m.s}$, $\text{NO}_x = 0,172 \text{ mg/m.s}$, $\text{SO}_2 = 0,031 \text{ mg/m.s}$, $\text{CO} = 0,088 \text{ mg/m.s}$); bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển sản phẩm ($\text{Bụi} = 1,1988 \text{ mg/m.s}$, $\text{NO}_x = 0,314 \text{ mg/m.s}$, $\text{SO}_2 = 0,0571 \text{ mg/m.s}$, $\text{CO} = 0,1598 \text{ mg/m.s}$); khí thải phát sinh trong quá trình đốt nhiên liệu ($\text{NO}_x = 0,155 \text{ mg/m}^3$, $\text{SO}_2 = 0,150 \text{ mg/m}^3$, $\text{CO} = 0,88 \text{ mg/m}^3$, $\text{CO}_2 = 44,66 \text{ mg/m}^3$).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn

- Chất thải rắn sản xuất: Chủ yếu là đất bóc phủ và bùn thải với tổng khối lượng dự án là $1.026.004 \text{ m}^3$ tương đương khoảng $87.317 \text{ m}^3/\text{năm}$, trong đó: Khối lượng đất bóc phủ trong toàn biên giới mỏ là 390.000 m^3 , tương đương $33.189 \text{ m}^3/\text{năm}$; khối lượng bùn thải là bột sét thải trong quá trình nghiền sàng là 636.004 m^3 , tương đương khoảng $54.128 \text{ m}^3/\text{năm}$.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng rác sinh hoạt thải ra khoảng 10 kg/ngày

đêm với số lượng 20 công nhân, định mức phát sinh là 0,5 kg rác/người/ngày. Thành phần, gồm: Rau củ, quả, thức ăn thừa, túi nilong, giấy vụn...

3.2.2. Chất thải nguy hại

Khối lượng phát sinh dự báo khoảng 202 kg/năm; thành phần, gồm: Bóng đèn huỳnh quang, dầu lau dính dầu trong quá bảo dưỡng sửa chữa máy móc, dầu thải từ quá trình thay dầu bảo dưỡng máy móc định kỳ,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn: Tiếng ồn từ các phương tiện, các thiết bị khai thác, chế biến của dự án ở khoảng cách 15m trong phạm vi hoạt động của người lao động, mức ồn phát sinh tương đối lớn có thể lên đến 96 dBA, vượt giới hạn cho phép của Quyết định số 3733/2002/BYT khoảng 1,3 lần, QCVN 26:2010/BTNMTT khoảng 1,37 lần. Độ ồn giảm dần theo khoảng cách, tại khu vực cách điểm phát sinh ồn từ >300m độ ồn đều nằm trong giới hạn cho phép của Quyết định số 3733/2002/BYT và QCVN 26:2010/BTNMTT.

- Độ rung: Theo kết quả tính toán cho thấy, ở khoảng cách >30m, mức rung từ các phương tiện, các thiết bị khai thác, chế biến bảo đảm giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT. Tuy nhiên, ở khoảng cách <10m, độ rung động có thể ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của công nhân lao động.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái: Dự án ảnh hưởng đến đa dạng sinh học là thảm thực vật cùng với khu hệ động vật trong đó (sinh khối thực vật, các cá thể thực vật và các loài thực vật), mức độ ảnh hưởng khác nhau; tác động toàn bộ hoặc một phần đến sự tồn tại, phát triển hệ động, thực vật bởi các loại chất thải (bụi, khí thải, chất thải rắn).

- Tác động đến đời sống điều kiện kinh tế - xã hội: Hoạt động vận chuyển khoáng sản làm gia tăng mật độ giao thông trên địa bàn, có thể xảy ra nguy cơ tắc đường, tai nạn giao thông, ảnh hưởng đến chất lượng đường xá,... Việc tập trung lượng công nhân tại Dự án có thể xuất hiện các tệ nạn xã hội hoặc nảy sinh những mâu thuẫn với người dân địa phương.

- Tác động do các rủi ro, sự cố: Sự cố vỡ đập; sự cố xói mòn, sạt lở đất đá, kè chắn thải; sự cố về tai nạn lao động; sự cố cháy, nổ trong quá trình khai thác.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Nước thải xám phát sinh từ khu vực nhà ăn, nhà tắm, nước rửa tay chân, nước giặt giũ có mức độ ô nhiễm nhẹ được thu gom vào mương đất, sau đó thoát ra ao phía sau khu vực văn phòng.

- Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý bằng 01 bể tự hoại đã đầu tư từ giai đoạn trước, thể tích 8 m^3 , kích thước (dài x rộng x sâu) là $(2,5 \times 2 \times 1,6)$; sau đó, được chảy vào ao phía sau khu vực văn phòng. Định kỳ khoảng 3 - 6 tháng/lần, bổ sung men vi sinh vào bể tự hoại để tăng khả năng phân hủy, xử lý của các vi sinh vật.

b) Nước mưa chảy tràn

- Tại khu vực công trường khai thác, khu vực phụ trợ: Nước mưa chảy tràn theo địa hình, bằng phương pháp tự chảy và chảy theo mương thoát nước thải sản xuất về các hồ lắng.

- Trên mặt bằng mỏ: Đã bố trí mương đất thoát nước có chiều dài khoảng 1000 m, kích thước (rộng x sâu) là $(1 \times 0,3)\text{m}$, trên bố trí 10 hố ga, cứ 100 m bố trí 01 hố ga, thể tích 01 m^3 , kích thước (dài x rộng x sâu) là $(1 \times 1 \times 1)\text{m}$; mương đất bố trí tại các khu vực khai trường khai thác, dọc tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực hồ chứa thải để thu gom nước mưa chảy tràn. Thường xuyên nạo vét tuyến mương rãnh thoát nước, hố ga, bể lắng với tần suất khoảng 01 tháng/lần để đảm bảo nước mưa chảy tràn được tiêu thoát tốt.

c) Nước thải sản xuất

- Các công trình xử lý nước, bùn thải, bao gồm:

+ 04 bể bê tông lắng cát, 02 bể/dây truyền tuyển rửa, kích thước (dài x rộng x sâu) là $(5 \times 2 \times 2)\text{m}$; kết cấu bể xây gạch chỉ đặc 110, vữa XM M75, trát vữa XM M75, dày 15, đáy bể lắng VXM 75.

+ Bố trí 02 hố lắng sơ bộ nước thải sau 02 dây chuyền nghiền tuyển cát, sỏi, dung tích khoảng 40 m^3 , kích thước (dài x rộng x sâu) là $(5 \times 4 \times 2)\text{m}$; kết cấu hố lắng bằng đất.

+ Mương đất thu gom, thoát nước thải với chiều dài 200 m (đã có sẵn), kích thước (rộng x sâu) là $(0,7 \times 0,5)\text{m}$, kết cấu mương đất.

+ Hồ chứa nước thải: Đã đầu tư 01 hồ lắng, diện tích 23.384 m^2 , dung tích chứa khoảng 350.760 m^3 , được chia làm 04 ngăn, cụ thể như sau: Ngăn số 01 (diện tích 4.422 m^2 , dung tích chứa khoảng 66.330 m^3); ngăn số 02 (diện tích 10.241 m^2 , dung tích chứa khoảng 153.615 m^3); ngăn số 03 (diện tích 6.541 m^2 , dung tích chứa khoảng 98.115 m^3); ngăn số 04 (diện tích 2.180 m^2 , dung tích chứa khoảng 32.700 m^3) là ngăn đề phòng sự cố môi trường xây ra các đập chắn thải tại ngăn lắng số 02, số 03. Thông số các đập chắn như sau:

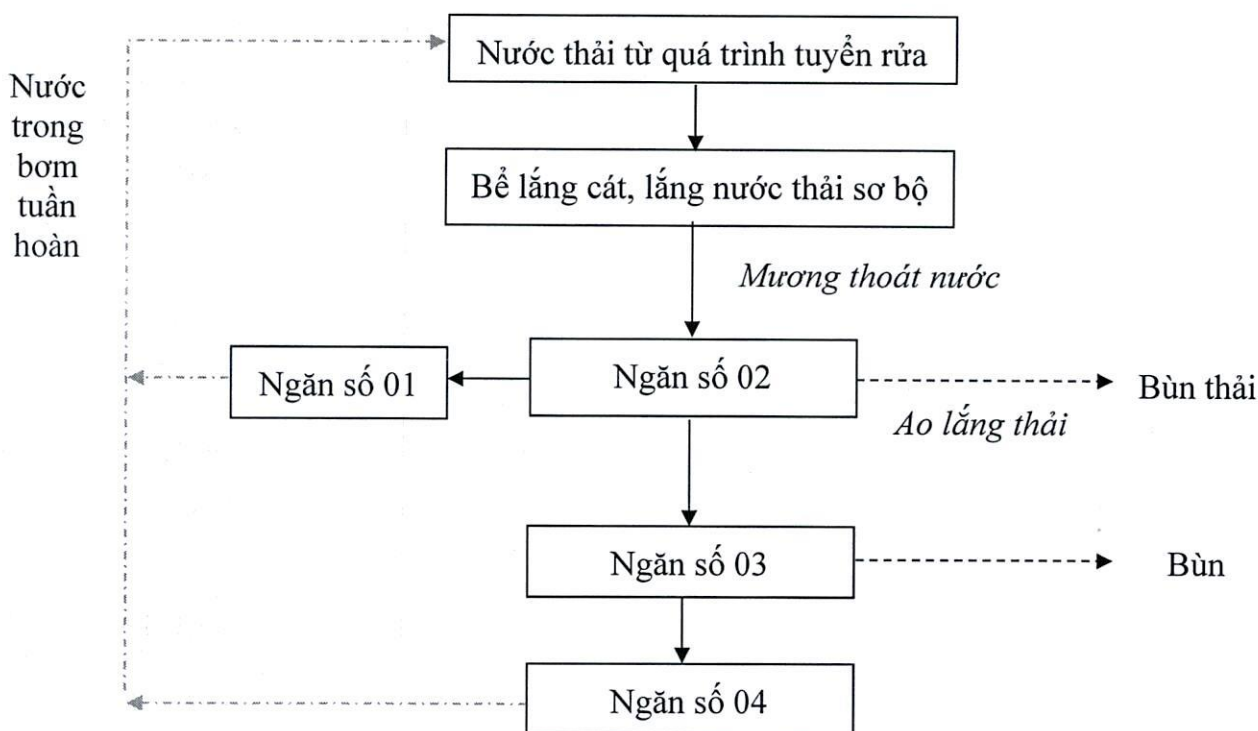
+ Đập số 01: Chiều dài tuyến đập 37,27 m, cao trình đỉnh đập 222,0 m, chiều rộng đỉnh đập 5,0 m; cao trình đáy đập 214,3 m; chiều cao đập 7,77 m; kết cấu: Thành đá xây vữa xi măng mác 100, dày 40 cm và móng bê tông mác 200 dày 30 cm, thân đập chìm dưới mặt nước.

+ Đập số 02: Chiều dài thân đập 51,5 m; cao trình đỉnh đập 225 m; cao trình đáy đập 215,89 m; chiều rộng mặt đập trung bình 6 m và chiều cao đập là 9,11 m; máng tràn chiều dài tràn $L = 8$ m, chiều rộng tràn 2 m, chiều cao tường bên tràn $H = 1 - 1,5$ m, kết cấu đáy tràn đổ bê tông mác 200#, dày 20 cm, hai tường bên xây gạch bê tông xi măng.

+ Đập số 03: Chiều dài thân đập 30 m; cao trình đỉnh đập 219,5 m; cao trình đáy đập 212,58 m; chiều rộng mặt đập 5 m và chiều cao đập là 5 m; đào mương thoát nước phía vai trái xung quanh ngăn lắng số 03, chiều dài mương 30 m, rộng 2 m, sâu 1 m; máng tràn thoát nước tại phía vai trái đập, kích thước rộng 2 m, cao 1 m và dài 8 m, kết cấu bằng đất.

+ Đập số 04: Cao trình đỉnh đập 217 m; cao trình chân đập hạ lưu 203 m; chiều rộng đỉnh đập 6 m; chiều cao đập 14 m; chiều dài thân đập 53 m; chiều rộng kênh thoát nước sau tràn 1,5 m; chiều dài kênh thoát nước sau tràn 97,82 m; hệ số mái thượng lưu 1:3; hệ số mái đập hạ lưu 1:3 và hệ số mái kênh 1:1.

- Sơ đồ xử lý nước, bùn thải:



- Quy trình xử lý nước, bùn thải: Nước, bùn thải từ các dây chuyền tuyển rửa cát, sỏi chảy xuống bể lắng, sau đó chảy qua hố lắng sơ bộ và chảy vào

mương thoát nước dẫn về ngăn số 02 của hồ chứa nước thải, chức năng là ngăn tiếp nhận nước, bùn thải, xử lý chính của hồ chứa nước thải; bùn được giữ tại ngăn số 02, nước thải lắng trong được chảy tràn qua ngăn số 01 để bơm tuần hoàn phục vụ quá trình nghiền, tuyển cát sỏi, chức năng chính của ngăn số 01 là ngăn chứa nước sử dụng tuần hoàn. Trường hợp, ngăn số 02 đã đầy thì chảy xuống ngăn số 03, có chức năng tiếp tục xử lý nước bùn thải từ ngăn số 02; nước lắng trong tại ngăn số 03 tiếp tục chảy xuống ngăn số 04, chức năng chứa nước dự phòng để bơm tuần hoàn cho quá trình nghiền, tuyển cát sỏi, đồng thời đề phòng sự cố môi trường khi đập chắn ao số 02, số 03 xảy ra sự cố; nước thải của Dự án sử dụng tuần hoàn và không thải ra ngoài môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng vòi phun nước để tưới nước trên khu vực đang khai thác và xưởng tuyển, nghiền sàng; trang bị xe tải nhỏ kết hợp téc nước, dung tích khoảng 5 m³ để tưới nước tại các tuyến đường nội bộ mỏ và tuyến đường từ mỏ ra đến nghĩa trang thành phố Cao Bằng dài khoảng 1,5 km với tần suất khoảng 02 lần/ngày nhằm hạn chế bụi phát sinh.

- Thường xuyên nâng cấp, cải tạo các tuyến đường vận tải đảm bảo, tạo điều kiện cho các xe vận tải ở điều kiện tốt.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị thi công phải được kiểm tra và đăng ký đảm bảo chất lượng theo quy định, không sử dụng phương tiện kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng; các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt kín thùng xe, chở đúng trọng tải và chiều cao cho phép để không rơi vãi nguyên vật liệu trên tuyến đường.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: Quần áo, khẩu trang, găng tay... cho công nhân trực tiếp lao động theo quy định, giám sát chặt chẽ việc sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động của toàn bộ công nhân.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a) *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thực hiện phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý tại nguồn phát sinh.

- Chất thải có khả năng tái sử dụng (thức ăn thừa, rau củ quả thừa...) được thu gom vào 01 thùng nhựa, có nắp, thể tích 20 lít/thùng đặt tại khu vực bếp nấu ăn; sau đó, cho công nhân hoặc người dân tận dụng để làm thức ăn chăn nuôi.

- Chất thải rắn có khả năng tái chế (chai lọ, sắt vụn, vỏ lon, vỏ xi măng...) được thu gom vào bao tải hoặc bao dứa, đặt tại khu vực kho; sau đó, bán cho cơ

sở, cá nhân thu mua phế liệu để tái chế.

- Chất thải rắn còn lại: Được thu gom, tập kết vào 02 thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng, đặt tại khu vực văn phòng và nhà ăn, nhà ở công nhân; định kỳ, hàng ngày được thu gom, xử lý bằng hố tập kết, dung tích 2 m³, kích thước (dài x rộng x sâu) là (1x1x2)m để phơi khô đốt và chôn lấp.

- Chất thải nguy hại, gồm: Bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải... tập trung vào thùng chứa, chứa trong kho chứa chất thải nguy hại của Dự án.

- Chất thải rắn còn lại: Bố trí 02 thùng rác thể tích 240 lít đặt tại khu vực văn phòng và khu nhà ăn, nhà ở công nhân; hàng ngày, công nhân tập kết về hố chôn lấp, dung tích 2m³, kích thước (dài x rộng x sâu) là (1x1x2)m để phơi, đốt và chôn lấp.

b) Chất thải rắn sản xuất (đất đá thải, bùn thải)

- Chất thải là đất bóc phủ: Bố trí bãi thải khô ở phía Bắc khai trường là thung lũng tự nhiên xung quanh đồi, núi với diện tích là 02 ha, chiều cao tầng thải 35 m, góc nghiêng sườn tầng thải là 35⁰, dung tích của bãi thải là 700.000 m³. Phía dưới chân bãi thải bố trí kè chắn thải, kết cấu kè được xếp bằng đá học mái ta luy 1:1,3; kích thước (dài x rộng x cao) là (40 x 7 x 5)m. Quy trình đổ thải: Tiến hành đổ thải theo chu vi, đổ từ mức +275 m đến mức +245 m. Ô tô đứng trên mức mặt bằng đổ thải theo sườn núi, thiết bị phục vụ công tác đổ thải ô tô tải trọng 24 tấn.

- Bùn thải: Thu gom vận chuyển đến bãi xử lý chất thải rắn nằm phía đông nam khai trường, diện tích 2,6 ha (bao gồm: 1,8 ha nằm ngoài khai trường và 0,8 ha nằm trong khai trường). Định kỳ, sử dụng máy xúc, máy bơm để chuyển bùn thải tại ngăn số 02 của hồ chứa nước thải đưa lên 03 ao phía sau đập chắn thải số 02 (Ao số 01 dung tích khoảng 500 m³, ao số 2 dung tích khoảng 250 m³ và ao số 3 dung tích khoảng 150 m³ kết cấu bằng đất); bùn thải sau khi để khô được vận chuyển bằng ô tô đến bãi chứa chất thải rắn để tập kết, lưu giữ và nước thải sau khi tách khỏi bùn tiếp tục chảy về ngăn lắng số 03 theo mương thoát phía vai phải đập số 02 để tiếp tục xử lý; bùn thải tại ngăn số 03 được máy xúc mức lên thân đập chắn thải số 03 để khô, sau đó vận chuyển về bãi chứa chất thải rắn để tập kết, lưu giữ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại CTNH, tập kết vào 03 thùng phi, thể tích 200 lít và các can nhựa đặt trong kho chứa chất thải nguy hại, kho chứa diện tích 12 m². Kết cấu: Kho chứa CTNH được vây tôn, mái che bằng tôn, nền láng xi măng. Các loại CTNH đều được phân loại, dán nhãn đảm bảo theo quy định.

- Cam kết thu gom triệt để, lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng đặt tại khu vực lưu giữ đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài môi trường khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý để xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Báo cáo công tác quản lý chất thải nguy hại định kỳ hàng năm lồng ghép với báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án (kỳ báo cáo từ tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Đối với máy móc, thiết bị có khả năng gây ra rung động được lắp đệm cao su chống rung, hạn chế tối đa việc phát ra tiếng ồn; thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, kiểm tra độ mòn của các chi tiết và định kỳ bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng; trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, các dụng cụ chống ồn như: Bao tai, nút bịt tai nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với mỏ cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Cải Chấp xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Sông Hiến - phường Hoà Chung, thành, tỉnh Cao Bằng được lựa chọn: Cải tạo, cắt tầng đưa mỏ về trạng thái an toàn, san gạt tạo mặt bằng các moong khai trường đã khai thác; tháo dỡ, di dời máy móc thiết bị và tháo dỡ các công trình trên mặt bằng sân công nghiệp, khu vực phụ trợ, san gạt cải tạo mặt bằng sân công nghiệp và khu phụ trợ; nạo vét, tháo khô hồ chứa nước thải và tiến hành san gạt hồ lắng, các đập chắn thải; san gạt, cắt tầng bãi thải; trồng cây keo phủ xanh diện tích khu vực mỏ với mật độ trồng 1.660 cây/ha, hệ số trồng dặm dự kiến là 30%, tương đương 498 cây/ha và cải tạo, duy trì hệ thống mương thoát nước hiện có trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường do. Khối lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Đối với khai trường khai thác		
1	Cải tạo, vệ sinh gương tầng khai thác	m ³	1.800
2	Phủ lớp đất màu dày 0,5m để trồng cây	m ³	38.626
3	Trồng và chăm sóc cây keo	cây	16.617
II	Đối với sân công nghiệp và khu vực phụ trợ		

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Phá dỡ các công trình trên mặt bằng sân công nghiệp (nhà văn phòng, nhà ăn, nhà ở công nhân, nhà vệ sinh, kho vật tư, kho chứa chất thải nguy hại, nhà bảo vệ)	công	30
2	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	m ³	1.606,6
3	Phủ lớp đất màu dày 0,5m để trồng cây	m ³	4.016,5
4	Trồng và chăm sóc cây keo	cây	1.726
III	Đối với khu vực bãi thải		
1	San gạt mặt bằng bãi thải	m ³	2.257,4
2	Trồng và chăm sóc cây keo	cây	2.436
IV	Đối với khu vực hồ lắng		
1	Nạo vét lòng hồ	m ³	7.015
2	San gạt mặt bằng hồ lắng	m ³	23.383
3	San gạt các đập chắn thải	m ³	16.092
4	Trồng và chăm sóc cây keo	cây	5.611

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tổng số tiền phải ký quỹ là: 2.184.580.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi tư triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

- Số lần ký quỹ: 12 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 20% tổng số tiền ký quỹ là: 436.916.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi sáu triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng chẵn*).

+ Số tiền ký quỹ lần thứ 2 đến năm thứ 12 là: 158.878.545 đồng, làm tròn 158.878.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn*).

(Số tiền ký quỹ nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá)

- Thời điểm ký quỹ lần đầu: Ngay sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản với quy mô, công suất theo Quyết định 108/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh.

- Thời điểm ký quỹ các năm tiếp theo: Thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Cao Bằng.

4.4.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến cảnh quan môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học: Đối với diện tích rừng bị chuyển đổi, Chủ đầu tư sẽ thực hiện biện pháp trồng rừng thay thế phần diện tích rừng bị mất do chuyển đổi mục đích theo quy định của Luật Lâm nghiệp; khai thác đúng trữ lượng và thời gian cho phép; tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân; chấp hành các quy tắc an toàn phòng chống cháy rừng; tham gia bảo vệ các khu rừng, nghiêm cấm công nhân chặt cây, săn bắt tại các khu rừng xung quanh khu vực mỏ. Thực hiện các giải pháp xử lý và quản lý chất thải một cách khoa học, hợp lý, triệt để; thực hiện nghiêm túc các biện pháp, giải pháp, công trình xử lý chất thải phát sinh của dự án hiệu quả; không chế không cho chất thải rắn tràn ra môi trường xung quanh gây hại đến hệ sinh thái xung quanh mỏ; xây dựng, thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường ngay từ khi dự án đi vào hoạt động.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế xã hội: Giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường sinh thái để đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để quản lý công nhân đảm bảo tốt trật tự an ninh trong khu vực; khi phát hiện các hoạt động của dự án làm hư hỏng gây hư hỏng đường liên xã, bồi lắng kênh mương... sẽ tạm ngừng sản xuất để phối hợp với chính quyền địa phương làm rõ nguyên nhân và hoàn trả lại các công trình đã chiếm dụng, làm hư hỏng do đơn vị gây ra.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do rủi ro, sự cố:

+ Sự cố cháy nổ: Trong quá trình hoạt động phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành; trang thiết bị báo cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân lao động; thực hiện đúng các quy định an toàn trong công tác xúc bốc và vận tải trong khu vực mỏ; thực hiện đúng giới hạn kế hoạch và trình tự thi công theo kế hoạch khai thác đã được phê duyệt; luôn duy trì khoảng cách an toàn từ mép tầng xúc đến vị trí thiết bị làm việc $2 \div 3$ m; phải thường xuyên kiểm tra hiện tượng sụt lở bờ mỏ để có biện pháp xử lý kịp thời và khi có những trận mưa lớn kéo dài, có thể gây ra hiện tượng lũ quét, sạt lở phải nghỉ việc, di chuyển thiết bị ra khỏi vùng có thể bị ảnh hưởng.

+ An toàn về công tác vận tải, an toàn giao thông: Các xe ô tô trước khi làm việc phải kiểm tra an toàn; các tuyến đường vận tải phải thường xuyên được duy tu bảo dưỡng, đảm bảo đúng các thông số kỹ thuật theo thiết kế và quy phạm an toàn khai thác mỏ; kiểm tra các khu vực có khả năng sụt, lún, trượt lở đặt các biển báo nguy hiểm và kiểm tra các tuyến đường sau mỗi cơn mưa bão

để có kế hoạch khắc phục ngay đảm bảo cho giao thông thông suốt và an toàn cho người lao động, tài sản.

+ Sự cố sự cố trượt lở, xói mòn khai trường khai thác, bãi thải: Khai thác đúng theo thiết kế khai thác được phê duyệt; thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát khai trường khai thác, bãi thải; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có nguy cơ rủi ro cao. Trường hợp, phát hiện có dấu hiệu rạn nứt, sạt lở dừng ngay các hoạt động khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; đồng thời, báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

+ Các biện pháp phòng tránh sự cố vỡ đập: Đập phải được thiết kế, kiểm tra và nghiệm thu chất lượng; thường xuyên kiểm tra tính an toàn của đập, đặc biệt là trong mùa mưa bão và thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về an toàn hồ, đập; bố trí nguồn nhân lực, trang thiết bị máy móc sẵn sàng thực hiện khắc phục khi có sự cố xảy ra một cách nhanh nhất; xây dựng, ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự môi trường theo quy định gửi các cơ quan có liên quan để theo dõi, giám sát trong quá trình thực hiện; thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật đối với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án và tổ chức ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý

Lập quy chế bảo vệ môi trường khu vực dự án; kết hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước để giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về môi trường của Dự án; thực hiện tốt công tác phân loại, thu gom chất thải rắn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; quan trắc, đo đạc các thông số môi trường; thường xuyên theo dõi công tác vận hành các thiết bị, tiến hành bảo trì máy móc theo định kỳ; theo dõi, giám sát, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

- Giai đoạn hoạt động của Dự án:

+ Môi trường không khí: Số lượng: 01 mẫu; vị trí giám sát: tại khu vực khai thác; tần suất giám sát: 06 tháng/lần; thông số quan trắc: Nhiệt độ, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂; quy chuẩn so sánh: QCVN Việt Nam hiện hành.

+ Nước thải sản xuất: Số lượng: 01 mẫu; vị trí: tại ngăn số 04 của hồ chứa nước thải; tần suất giám sát: 06 tháng/lần; thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, SS, amoni, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, coliform; Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: Số lượng: 01 mẫu; vị trí: Tại khu vực sân công nghiệp; tần suất: 01 lần/toàn bộ quá trình; thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂; Quy chuẩn so sánh: Theo Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành về chống ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác và tuân thủ nghiêm các quy định tại QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý toàn bộ chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo đúng quy định; thực hiện đúng và đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ; sự cố vỡ đập xử lý nước thải; sự cố sạt lở bờ khai thác, bờ bãi thải; sự cố phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án. Trường hợp, Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với Kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để

chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Tổ chức cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác đảm bảo đúng theo tiến độ báo cáo đánh giá tác động môi trường đề ra.

- Đảm bảo số liệu, tài liệu, thông tin được sử dụng để đánh giá, tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là hoàn toàn trung thực, chính xác và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các số liệu, tài liệu, thông tin được sử dụng để đánh giá, tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, yêu cầu Chủ dự án hoàn thành các thủ tục và tuyệt đối tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản, lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan theo đúng quy định.